

## SỬ DỤNG MÁY TÍNH CẦM TAY (1 tiết)

### 1 Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

#### 1.1. Về kiến thức

Nhận biết được cấu tạo của máy tính cầm tay (MTCT) (các phím bấm, tính năng của các phím trên MTCT).

#### 1.2. Về kĩ năng (năng lực)

- Tính được tổng, hiệu, tích của hai số tự nhiên.
- Tìm được thương và số dư (nếu có) của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0.
- Tính được lũy thừa của một số tự nhiên.
- Tính được giá trị các biểu thức.
- Phân tích được một số tự nhiên thành tích các thừa số nguyên tố.
- Tìm được ước chung lớn nhất và bội chung nhỏ nhất của hai số tự nhiên.

#### 1.3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.

### 2 Những điểm cần lưu ý khi chuẩn bị bài giảng

#### Chuẩn bị trước khi lên lớp



- Đối với GV: Tải phần mềm giả lập Casio fx-570 ES PLUS về máy tính cá nhân, kết nối máy tính cá nhân với màn hình hoặc máy chiếu để hướng dẫn HS sử dụng MTCT.

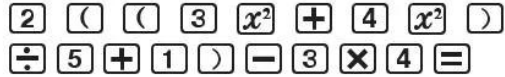
GV tải phần mềm Plickers về máy tính cá nhân và điện thoại thông minh để tổng hợp nhanh kết quả làm bài của HS.

- Đối với HS: Mang đầy đủ đồ dùng học tập, MTCT Casio fx-570 ES PLUS (hoặc máy có cấu hình tương đương),...


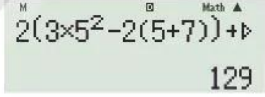





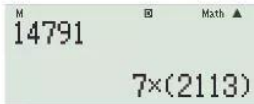
### 3 Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học chủ yếu



#### 3.1. Thực hiện các cấu phần chính của bài học

CẤU PHẦN	MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	GỢI Ý THỰC HIỆN
Giới thiệu một số loại MTCT	HS nắm được công dụng của MTCT; biết có nhiều loại MTCT khác nhau.	<p>Tham khảo hình ảnh một số loại MTCT:</p> 
Một số phím chức năng chính	<p>HS biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Mở (tắt) máy;</li> <li>– Xoá màn hình;</li> <li>– Chọn chế độ tính toán số học;</li> <li>– Gọi kết quả.</li> </ul>	<p>Mở máy: <b>ON</b>; Tắt máy: <b>SHIFT AC</b>; Xoá màn hình (như xoá bảng nhưng các phép tính và kết quả vẫn lưu trong bộ nhớ): <b>AC</b>; chọn chế độ tính toán số học: <b>MODE 1</b> (nếu phiên làm việc trước đã ở chế độ tính toán số học thì không phải chọn nữa); Nhận kết quả: <b>=</b></p>
Các phép tính số học cơ bản	<p>HS biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cộng, trừ, nhân, chia hai số tự nhiên;</li> <li>– Lũy thừa của một số tự nhiên;</li> <li>– Bình phương;</li> <li>– Lập phương;</li> <li>– Tìm thương (và dư, nếu có).</li> </ul>	<p> <math>5 + 3 =</math> <b>5 + 3 =</b>  <math>5 - 3 =</math> <b>5 - 3 =</b>  <math>5 \times 3 =</math> <b>5 x 3 =</b>  <math>5^6 =</math> <b>5 x^6 6 =</b>  <math>5^2 =</math> <b>5 x^2 =</b>  <math>5^3 =</math> <b>5 SHIFT x^2 =</b>  <math>5 : 3 =</math> <b>5 ALPHA = 3 =</b> </p> <p>Màn hình hiện kết quả nghĩa là</p> $5 : 3 = 1 \text{ (dư 2)}$ 

Dấu ngoặc và nhập biểu thức	HS biết nhập biểu thức tính toán: biểu thức hiện trên màn hình giống như trên sách, vở.	Cần chú ý: - MTCT chỉ có một loại dấu ngoặc là ngoặc tròn và thứ tự thực hiện từ trong ra ngoài. Ví dụ: $2((3^2 + 4^2) : 5 + 1) - 3 \cdot 4$ - Trước dấu mở ngoặc không cần bấm phím $\times$ . Ví dụ: 
Phân tích ra thừa số nguyên tố	HS biết phân tích một số tự nhiên thành tích các thừa số nguyên tố.	
Tìm ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất của hai số	HS biết cách tìm ƯCLN(a, b) và BCNN(a, b).	

### Luyện tập

ĐỀ BÀI	BẤM PHÍM
1. Tính: $2[3 \cdot 5^2 - 2(5 + 7)] + 3^3$ .	 Màn hình hiện kết quả 
2. Tính: $3\{120 + [55 - (11 - 3 \cdot 2)^2]\} + 2^3$ .	 Màn hình hiện kết quả 
3. Phân tích 847 ra thừa số nguyên tố.	 Màn hình hiện kết quả 
4. Số 14 791 là số nguyên tố hay hợp số?	 Màn hình hiện kết quả  Số 14 791 là hợp số (có hai ước nguyên tố là 7 và 2 113).

<p>5. Tìm ƯCLN(215, 75).</p>	<p> <math>\text{[ALPHA]}</math> <math>\text{[X]}</math> <math>\text{[2]}</math> <math>\text{[1]}</math> <math>\text{[5]}</math> <math>\text{[SHIFT]}</math> <math>\text{[)]}</math> <math>\text{[7]}</math> <math>\text{[5]}</math> <math>\text{[)]}</math> <math>\text{[=]}</math>  Màn hình hiện kết quả    ƯCLN(215, 75) = 5. </p>
<p>6. Tìm BCNN(45, 72).</p>	<p> <math>\text{[ALPHA]}</math> <math>\text{[÷]}</math> <math>\text{[4]}</math> <math>\text{[5]}</math> <math>\text{[SHIFT]}</math> <math>\text{[)]}</math> <math>\text{[7]}</math> <math>\text{[2]}</math> <math>\text{[)]}</math> <math>\text{[=]}</math>  Màn hình hiện kết quả    BCNN(45, 72) = 360. </p>

Tính:  $2((3^2 + 4^2) : 5 + 1) - 3 \cdot 4$ , ta bấm các phím:

$\text{[2]}$   $\text{[(]}$   $\text{[(]}$   $\text{[3]}$   $\text{[x<sup>2</sup>]}$   $\text{[+]}$   $\text{[4]}$   $\text{[x<sup>2</sup>]}$   $\text{[)]}$   $\text{[÷]}$   $\text{[5]}$   $\text{[+]}$   $\text{[1]}$   $\text{[)]}$   $\text{[-]}$   $\text{[3]}$   $\text{[X]}$   $\text{[4]}$   $\text{[=]}$

Màn hình hiện kết quả là 0.

*Chú ý:* Trước dấu mở ngoặc không cần bấm phím  $\text{[X]}$ .

KẾT NỐI TRI THỨC  
VỚI CUỘC SỐNG